

PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 80-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ SÂU RỘNG

NGUYỄN THỊ HỒNG HIỀN
Trưởng Chính trị thành phố Đà Nẵng

Nhận bài ngày 07/5/2026. Sửa chữa xong 12/6/2026. Duyệt đăng 28/6/2026.

Abstract

Culture is the soul of a nation, reflecting its vitality, character, and wisdom. The history of nation-building and national defense of Vietnam has proven that culture has always been a solid spiritual foundation, helping the nation overcome all historical upheavals. Entering the 21st century, the trends of globalization and international integration open up opportunities for remarkable development, but also place traditional culture before existential challenges regarding assimilation and the erosion of identity. This paper studies the orientation and solutions for developing a modern, advanced Vietnamese culture rich in national identity, based on the guiding principles of Resolution No. 80-NQ/TW of the Politburo.

Keywords: Culture, development, international integration, Resolution No. 80, solutions.

1. Đặt vấn đề

Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, biểu hiện sức sống, bản lĩnh và trí tuệ của một quốc gia. Lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã chứng minh văn hóa luôn là điểm tựa tinh thần vững chắc, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt giúp quốc gia vượt qua mọi biến động lịch sử, giữ vững độc lập, chủ quyền trước các làn sóng đồng hóa ngoại bang. Trong thời đại ngày nay, văn hóa không còn đơn thuần là một lĩnh vực hoạt động tinh thần thuần túy mà đã trở thành nguồn lực chiến lược cấu thành “sức mạnh mềm” quốc gia, tham gia trực tiếp và đóng vai trò điều tiết, định hướng cho các tiến trình kinh tế, chính trị và xã hội. Sự thâm nhập của lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân ích kỷ và làn sóng “xâm lăng văn hóa” thông qua các sản phẩm giải trí xuyên quốc gia đang ngày càng gia tăng áp lực lên giới trẻ, có nguy cơ làm xói mòn bản sắc dân tộc và phai nhạt các giá trị đạo đức truyền thống. Nhận thức sâu sắc bối cảnh thời đại và yêu cầu cấp bách của thực tiễn, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 80-NQ/TW nhằm tiếp tục định hướng chiến lược phát triển văn hóa và xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Nghị quyết khẳng định vị trí trung tâm của văn hóa trong hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển bền vững đất nước, đặt văn hóa ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội theo tinh thần chỉ đạo sâu sắc của Tổng Bí thư về việc “Văn hóa còn thì dân tộc còn”. Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và toàn diện, việc nghiên cứu, quán triệt, làm rõ cơ sở lý luận cũng như tìm kiếm các lộ trình thực thi hiệu quả tinh thần Nghị quyết 80-NQ/TW không chỉ có ý nghĩa khoa học cấp thiết nhằm hoàn thiện lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội, mà còn mang giá trị thực tiễn sâu sắc đối với sự tồn vong và thịnh vượng bền vững của đất nước trong kỷ nguyên số.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan điểm cốt lõi của Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa

2.1.1. Văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, là mục tiêu và động lực nội sinh của sự phát triển

Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị tiếp tục khẳng định luận điểm cốt lõi mang tính kế thừa nhưng có sự bổ sung sâu sắc về mặt lý luận: Văn hóa không phải là hệ quả thụ động của sự phát triển

Email: nguyenhonghien2708@gmail.com

kinh tế, mà là một thực thể sống động, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội (Ban Chấp hành Trung ương, 2026). Dưới góc độ triết học, nếu kinh tế đóng vai trò là cơ sở hạ tầng bảo đảm cho sự sinh tồn vật chất của quốc gia thì văn hóa chính là kiến trúc thượng tầng định hình tâm hồn, đạo đức và nhân cách của toàn dân tộc. Đảng ta kiên quyết bác bỏ tư duy phát triển cực đoan khi chỉ chú trọng vào các chỉ số tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) mà bỏ quên hoặc xem nhẹ việc bồi đắp các giá trị văn hóa tinh thần. Phát triển kinh tế mà không đi đôi với phát triển văn hóa sẽ dẫn đến nguy cơ lệch lạc về mặt xã hội, xói mòn đạo đức, làm gia tăng sự phân hóa giàu nghèo mang tính cơ học và tước đi bản sắc cốt lõi của một dân tộc. Do đó, văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị và xã hội trong mọi chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển quốc gia. Xem xét văn hóa với tư cách là mục tiêu và động lực nội sinh, Nghị quyết số 80-NQ/TW chỉ rõ văn hóa tham gia trực tiếp vào việc định hướng và thúc đẩy sự tiến bộ của đất nước. Là mục tiêu, mọi thành tựu của sự nghiệp cách mạng, của công cuộc đổi mới và hội nhập suy cho cùng đều hướng tới việc xây dựng một xã hội văn minh, hạnh phúc, nơi con người được hưởng thụ các giá trị văn hóa tốt đẹp và có điều kiện phát triển toàn diện. Là động lực nội sinh, văn hóa là nguồn năng lượng tinh thần khổng lồ kết tinh từ lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng cống hiến.

2.1.2. Con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của sự phát triển văn hóa

Văn hóa không phải là một hằng số trừu tượng tồn tại độc lập mà là sản phẩm sáng tạo có ý thức của con người trong quá trình cải tạo tự nhiên và xã hội. Ngược lại, văn hóa là môi trường sinh thái tinh thần nuôi dưỡng và định hình nên nhân cách con người. Do đó, xây dựng văn hóa thực chất chính là xây dựng con người, và phát triển con người là tiền đề tiên quyết để phát triển văn hóa. Nghị quyết 80-NQ/TW đặt con người vào vị trí trung tâm, là chủ thể tối cao của mọi hoạt động văn hóa. Từ người nghệ sĩ sáng tạo nghệ thuật, người trí thức nghiên cứu khoa học cho đến người nông dân, công nhân lưu giữ các giá trị văn hóa phi vật thể tại cộng đồng tất cả đều là những tế bào cấu thành sức sống của văn hóa dân tộc. Mọi chính sách văn hóa của Nhà nước phải hướng tới việc giải phóng năng lực sáng tạo của nhân dân, tạo môi trường tự do, dân chủ và lành mạnh để mỗi cá nhân phát huy tối đa tiềm năng của mình. Trọng tâm của việc xây dựng con người Việt Nam thời đại mới theo tinh thần Nghị quyết 80 là sự dung hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, gắn kết chặt chẽ bốn nhân tố: đức, trí, thể, mỹ (Đỗ Huy, 2013). Đó phải là những con người thấm đẫm lòng tự hào dân tộc, yêu nước, nhân văn, nghĩa tình, trung thực, có lối sống thượng tôn pháp luật; đồng thời sở hữu tư duy khoa học biện chứng, năng lực làm chủ công nghệ mới, có thể lực dẻo dai và tư duy thẩm mỹ tiến bộ. Khi xã hội tạo dựng được những thế hệ con người mang đầy đủ các phẩm chất chuẩn mực này, họ sẽ trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao, là động lực nội sinh mạnh mẽ nhất dẫn dắt đất nước bứt phá thành công trong kỷ nguyên số và hội nhập kinh tế toàn cầu.

2.1.3. Sự kết hợp biện chứng giữa bảo tồn bản sắc dân tộc và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế

Trong bối cảnh thế giới phẳng đương đại, Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị đã định hình một nhãn quan chiến lược cực kỳ sắc bén về mối quan hệ giữa cái đặc thù (bản sắc văn hóa dân tộc) và cái phổ biến (văn minh nhân loại). Nghị quyết khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc chính là căn cước, là tấm giấy thông hành duy nhất để một quốc gia tồn tại độc lập và được tôn trọng trên trường quốc tế. Bản sắc văn hóa Việt Nam không phải là một thực thể bất biến, đóng băng trong quá khứ mà là sự tích tụ, kết tinh qua hàng nghìn năm lịch sử của lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, lòng khoan dung, nhân ái và sự hòa hợp với tự nhiên của cộng đồng 54 dân tộc anh em. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống từ các di sản vật thể vô giá như đình, chùa, thành quách cho đến các di sản phi vật thể như ca trù, quan họ, phong tục tập quán tốt đẹp không thuần túy là việc giữ gìn những hiện vật cổ kính, mà là giữ gìn huyết mạch tinh thần, giữ gìn "chân rễ" để dân tộc không bị bật gốc trước những cơn lốc của chủ nghĩa thực dụng và xu hướng đồng hóa văn hóa toàn cầu (Ngô Đức Thịnh, 2014). Tuy nhiên, bảo tồn theo tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW không đồng nghĩa với bảo thủ, đóng cửa bảo siêu hay tự cô lập mình trong không gian chật hẹp của quá khứ. Ngược lại, Đảng ta chủ trương văn hóa phải chủ động, tích cực hội nhập quốc tế với một tư thế tự tin, tự trọng. Hội nhập văn hóa là quá trình giao lưu, đối thoại bình đẳng, là cơ hội quý báu để Việt Nam tiếp thu có chọn lọc những giá trị tinh hoa, những

thành tựu khoa học, công nghệ, tư duy quản lý tiên tiến và lối sống văn minh của nhân loại để làm giàu, làm mới và hiện đại hóa kho tàng văn hóa nước nhà. Quá trình này đòi hỏi phải xây dựng một “bộ lọc” nội sinh vững chắc để sàng lọc, kiên quyết loại bỏ các xu hướng văn hóa lai căng, độc hại, lối sống ích kỷ, thực dụng không phù hợp với thuần phong mỹ tục và định hướng xã hội chủ nghĩa của đất nước. Đồng thời, hội nhập phải đi đôi với việc chủ động quảng bá, đưa các giá trị văn hóa độc đáo của Việt Nam vươn ra thế giới, biến sức mạnh nội sinh thành “sức mạnh mềm” đối ngoại, nâng cao uy tín, vị thế và hình ảnh của một Việt Nam hòa bình, đổi mới, năng động và giàu bản sắc trên bản đồ quốc tế.

2.1.4. Phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước

Quan điểm cuối cùng mang tính quyết định đến phương thức vận hành và tổ chức thực hiện của Nghị quyết số 80-NQ/TW là khẳng định phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, vĩ đại của toàn dân, do nhân dân làm chủ, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý thống nhất, hiệu quả của Nhà nước. Văn hóa bắt nguồn từ cuộc sống, từ nhân dân, vì vậy không một cơ quan chuyên trách hay một nhóm tinh hoa nào có thể thay thế vai trò sáng tạo và gìn giữ văn hóa của quần chúng nhân dân. Từ các phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh cho đến việc thực thi các quy ước, hương ước tại làng xã tất cả đều phải dựa vào sức mạnh, trí tuệ và sự đồng thuận của người dân. Nhân dân phải vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là lực lượng bảo tồn, và đồng thời là người thụ hưởng trực tiếp, bình đẳng mọi thành quả của sự phát triển văn hóa (Nguyễn Mạnh Cẩm, 2014). Điều này hoàn toàn tương thích với phương châm chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Để sức mạnh của nhân dân được định hướng đúng đắn và phát huy tối đa, vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước giữ ý nghĩa quyết định. Sự lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa là lãnh đạo bằng đường lối, chủ trương, bằng công tác tư tưởng và thông qua tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đảng bảo đảm cho nền văn hóa phát triển đúng hướng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giữ vững an ninh tư tưởng trước các luồng quan điểm sai trái, thù địch.

2.2. Thách thức và cơ hội đối với văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

2.2.1. Những cơ hội mang tính thời đại phát triển văn hóa trong kỷ nguyên số

Hội nhập quốc tế sâu rộng, đặc biệt dưới chất xúc tác của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, trước hết mở ra cho văn hóa Việt Nam những thời cơ mang tính đột phá chưa từng có để tiếp cận các phương thức quản lý, vận hành và phát triển thiết chế văn hóa hiện đại. Khi ranh giới địa lý được làm phẳng bằng công nghệ, các cơ quan quản lý và các nhà làm văn hóa trong nước có cơ hội học hỏi, tiếp thu các mô hình kinh doanh văn hóa chuyên nghiệp, hệ thống bảo tồn di sản bằng công nghệ cao và các quy trình bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tiên tiến của thế giới. Sự giao thoa này giúp chuyển đổi tư duy quản lý văn hóa từ cơ chế bao cấp, hành chính đơn thuần sang tư duy kinh tế văn hóa năng động, biến các di sản vốn “đóng băng” trong bảo tàng thành các thực thể sống động có khả năng tự nuôi sống và tái đầu tư bền vững. Ví dụ: Việc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế ứng dụng công nghệ quét 3D laser và thực tế ảo tăng cường (AR) dựa trên sự hợp tác, chuyển giao công nghệ từ các chuyên gia Hàn Quốc và Đức để số hóa, phục dựng điện Kiến Trung là minh chứng rõ nét. Nhờ hội nhập, di sản không chỉ được bảo tồn nguyên vẹn trên không gian số mà còn tạo ra trải nghiệm du lịch số độc đáo, thu hút doanh thu lớn từ du khách quốc tế.

Hội nhập quốc tế mở ra cơ hội vàng để đưa các giá trị văn hóa độc đáo của Việt Nam vươn ra thế giới, biến sức mạnh nội sinh thành “sức mạnh mềm” ngoại giao quốc gia. Không gian mạng xuyên biên giới, các nền tảng phân phối nội dung trực tuyến (như Netflix, Spotify, YouTube, TikTok) đã trở thành những kênh truyền thông đại chúng hiệu quả, giúp các sản phẩm văn hóa thuần Việt tiếp cận hàng tỷ công dân toàn cầu mà không gặp rào cản về khoảng cách địa lý. Thị trường tiêu thụ của các ngành công nghiệp văn hóa nội địa (như điện ảnh, âm nhạc, ẩm thực, thời trang) được mở rộng vượt bậc, tạo động lực mạnh mẽ cho các thể hệ nghệ sĩ trẻ tự tin sáng tạo, khẳng định căn cước văn hóa quốc gia trên trường quốc tế.

2.2.2. Những thách thức gay gắt về nguy cơ đánh mất bản sắc và “xâm lăng văn hóa”

Xu thế hội nhập, văn hóa Việt Nam phải đối mặt với những nguy cơ nhân tiền về sự xói mòn bản sắc dân tộc và làn sóng “xâm lăng văn hóa” (cultural imperialism) tinh vi thông qua các sản phẩm giải trí xuy-

ên quốc gia. Khi dòng chảy của các sản phẩm văn hóa nghe nhìn ngoại lai từ các cường quốc công nghiệp văn hóa phát triển ồ ạt tràn vào thị trường nội địa, chúng mang theo hệ giá trị, lối sống và nhân sinh quan nước ngoài. Điều này tạo ra một áp lực đồng hóa vô hình nhưng vô cùng mạnh mẽ, dễ khiến một bộ phận công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ rơi vào trạng thái “vô thức văn hóa”, tôn sùng các biểu tượng ngoại lai và dần xa rời, thậm chí coi thường các giá trị nghệ thuật, phong tục tập quán truyền thống của quê hương.

Sự khủng hoảng các giá trị đạo đức xã hội dưới tác động của lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân ích kỷ và tâm lý sùng bái vật chất. Hội nhập kinh tế thị trường khi thiếu đi bộ lọc văn hóa vững chắc sẽ dễ dẫn đến xu hướng thương mại hóa mọi giá trị, làm rạn nứt các mối quan hệ gia đình truyền thống vốn dựa trên nền tảng hiếu nghĩa, tình nghĩa và sự sẻ chia. Sự suy thoái đạo đức, lối sống, hành vi lệch chuẩn của một bộ phận cư dân, sự thờ ơ trước nỗi đau của người khác và sự suy giảm tính gắn kết cộng đồng đang trở thành những vết thương nhức nhối trong lòng xã hội hiện đại.

Thách thức an ninh tư tưởng và bóp méo lịch sử trên không gian mạng. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, không gian mạng đã trở thành một mặt trận chiến đấu tư tưởng vô cùng phức tạp, nơi các thế lực thù địch, phản động liên tục lợi dụng tính mở và ẩn danh của công nghệ để thực hiện các chiến dịch diễn biến hòa bình trên lĩnh vực văn hóa - tư tưởng. Các thế lực này sử dụng các phương thức tinh vi như xây dựng các video clip ngắn, các bài viết giả danh nghiên cứu lịch sử nhằm mục đích bôi nhọ, hạ bệ thần tượng, bóp méo các sự kiện lịch sử cách mạng, và phủ nhận những thành tựu vĩ đại mà nhân dân ta đã đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nếu không có sự cảnh giác và các công cụ quản lý sắc bén, các luồng thông tin độc hại này sẽ từng bước làm lung lay niềm tin của nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, vào nền tảng tư tưởng của Đảng và con đường đi lên CNXH của đất nước.

Thách thức lớn còn nằm ở hiện tượng “xét lại lịch sử” và thương mại hóa, bóp méo các di sản văn hóa phi vật thể vì mục đích lợi nhuận tầm thường trong chuỗi cung ứng du lịch. Việc tổ chức các chương trình biểu diễn nghệ thuật dân gian một cách chắp vá, lai căng, hoặc cải biên các nghi lễ tâm linh, tôn nghiêm thành các show diễn tạp kỹ giật gân phục vụ thị hiếu hời hợt của du khách quốc tế đang làm nghèo nàn hóa, thậm chí sai lệch hoàn toàn bản chất cốt lõi của di sản văn hóa dân tộc. Ví dụ: Hiện tượng một số địa phương tự ý cải biên, “sân khấu hóa” quá đà các nghi lễ hầu đồng trong Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ (di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại) thành các màn trình diễn thời trang, nhạc nhảy vũ trường tại các tụ điểm vui chơi giải trí, làm mất đi tính thiêng liêng, trang nghiêm vốn có của di sản, gây bức xúc trong cộng đồng các nghệ nhân và nhà nghiên cứu văn hóa.

2.3. Giải pháp phát triển nền văn hóa Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng

2.3.1. Định hình, cụ thể hóa và triển khai giáo dục các hệ giá trị chuẩn mực

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự bùng nổ của không gian số, việc xây dựng một “bộ lọc” tinh thần cho mỗi công dân là giải pháp căn cơ, cốt lõi nhất. Giải pháp này đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa cơ quan lý luận, ngành giáo dục và từng tế bào gia đình để định hình rõ ràng, dễ hiểu bốn hệ giá trị hạt nhân: hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam (Nguyễn Phú Trọng, 2021). Các hệ giá trị này không được nằm lại trên các văn bản lý luận trừu tượng mà phải được chuyển hóa, tích hợp một cách khoa học vào chương trình giáo dục quốc dân từ bậc mầm non đến đại học, đồng thời cụ thể hóa thành các quy ước cộng đồng, quy tắc ứng xử nơi công cộng và quy chế làm việc của các cơ quan, đơn vị. Việc giáo dục hệ giá trị phải đổi mới về phương thức, tránh tính chất giáo điều, khiên cưỡng, thay vào đó là ứng dụng các nền tảng truyền thông hiện đại để thẩm thấu một cách tự nhiên vào nhận thức, từ đó chuyển hóa thành hành vi hằng ngày của con người, tạo ra một sức đề kháng tinh thần vững chắc trước các luồng văn hóa ngoại lai độc hại. Ví dụ: Việc Thành phố Hà Nội ban hành và triển khai nghiêm túc “Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan thuộc thành phố” và “Quy tắc ứng xử nơi công cộng” là một mô hình thực tiễn tiêu biểu. Những quy tắc này định hình rõ ràng các hành vi chuẩn mực từ cách ăn mặc, phát ngôn đến thái độ ứng xử với người dân, biến các giá trị trừu tượng thành thước đo văn hóa cụ thể, giúp định hình lại diện mạo văn minh đô thị của Thủ đô trong quá trình hội nhập.

2.3.2. Phát triển mạnh mẽ công nghiệp văn hóa dựa trên nền tảng chuyển đổi số

Các cơ quan quản lý cần thay đổi tư duy, xem sản phẩm văn hóa là một loại hàng hóa đặc biệt để xây dựng cơ chế thị trường đồng bộ cho các ngành công nghiệp văn hóa (như điện ảnh, du lịch văn hóa, âm nhạc, thiết kế thời trang, thủ công mỹ nghệ) (Tạ Ngọc Tấn, 2014). Trọng tâm của giải pháp này là đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi số sâu rộng: số hóa toàn bộ kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của quốc gia, xây dựng hệ sinh thái văn hóa số, và ứng dụng các công nghệ tiên tiến của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), thực tế ảo (VR/AR) và chuỗi khối (Blockchain) để bảo vệ bản quyền, nâng cao năng suất và đa dạng hóa phương thức phân phối sản phẩm nghệ thuật trên không gian mạng. Ví dụ: Dự án số hóa phố cổ Hội An và triển khai mô hình “Du lịch thông minh” (Smart Tourism) là một minh chứng sống động. Bằng việc xây dựng bản đồ số 3D, ứng dụng mã QR tại các điểm di tích và phát triển ứng dụng hướng dẫn viên ảo, Hội An không chỉ giúp du khách toàn cầu có thể trải nghiệm di sản từ xa mà còn tối ưu hóa quy trình quản lý, giảm tải áp lực vật lý lên di tích gốc, đồng thời tạo ra các chuỗi giá trị gia tăng kinh tế lớn cho địa phương.

2.3.3. Chủ động mở rộng giao lưu văn hóa và bảo vệ vững chắc trận địa tư tưởng trên không gian mạng

Hội nhập văn hóa đòi hỏi một chiến lược song hành: một mặt chủ động, tự tin đưa văn hóa Việt Nam ra thế giới; mặt khác kiên quyết giữ vững an ninh văn hóa - tư tưởng trong nước. Về đối ngoại, cần chuyển từ hình thức “giới thiệu văn hóa” mang tính thụ động, bề nổi sang “đối thoại văn hóa” sâu rộng, chủ động đăng cai và tham gia các sự kiện văn hóa tầm cỡ quốc tế để xuất khẩu các sản phẩm văn hóa thuần Việt (Trần Ngọc Thêm, 2014). Về đối nội, trong không gian số xuyên biên giới, Nhà nước cần phối hợp với các tập đoàn công nghệ lớn để hoàn thiện hệ thống kỹ thuật, pháp lý nhằm kiểm soát, ngăn chặn kịp thời các dòng thông tin, sản phẩm giải trí lai căng, độc hại. Đặc biệt, cần phát huy vai trò của các chuyên gia, các cơ quan báo chí chính thống và lực lượng trí thức, an ninh mạng trong việc chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, các trào lưu “xét lại lịch sử” nhằm bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Ví dụ: Chương trình “Ngày Việt Nam ở nước ngoài” (Vietnam Days Abroad) do Bộ Ngoại giao chủ trì tổ chức thường niên tại các quốc gia như Áo, Ấn Độ, Nam Phi, Hàn Quốc... đã kết hợp hài hòa giữa không gian văn hóa truyền thống (trình diễn trà đạo, làm tò he, viết thư pháp) với không gian công nghệ hiện đại (trải nghiệm văn hóa bằng kính VR). Sự kết hợp này đã tạo ấn tượng mạnh mẽ với công chúng quốc tế, đồng thời khẳng định vị thế và uy tín chính trị - văn hóa của Việt Nam một cách chủ động và đầy sáng tạo.

2.3.4. Hoàn thiện thể chế chính sách văn hóa và phát huy quyền làm chủ của nhân dân

Nhà nước cần khẩn trương rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống luật pháp, đặc biệt là các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng nhằm khuyến khích mô hình hợp tác công - tư (PPP) trong việc xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao hiện đại. Đồng thời, cần thực hiện triệt để quyền làm chủ của nhân dân trong đời sống văn hóa theo đúng phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Phải trả văn hóa về cho cộng đồng để người dân địa phương vừa là người chủ thể trực tiếp tham gia bảo tồn, gìn giữ di sản, vừa là người quyết định phương thức phát triển và được thụ hưởng bình đẳng lợi ích kinh tế - tinh thần do chính di sản đó mang lại. Ví dụ: Mô hình phát triển du lịch sinh thái cộng đồng tại làng gốm Thanh Hà (Đà Nẵng) hoặc làng cổ Đường Lâm (Hà Nội) là ví dụ điển hình cho giải pháp này. Tại đây, chính quyền đóng vai trò kiến tạo, hỗ trợ về mặt hạ tầng và pháp lý, trong khi người dân bản địa trực tiếp quản lý, hướng dẫn du khách, làm đồ lưu niệm và vận hành dịch vụ lưu trú (homestay). Việc người dân có thu nhập ổn định từ chính di sản của cha ông đã tạo ra động lực tự thân mạnh mẽ giúp họ chủ động bảo vệ di tích, chống lại xu hướng đô thị hóa lai căng.

3. Kết luận

Phát triển nền văn hóa Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW trong bối cảnh hội nhập quốc tế không phải là nhiệm vụ một sớm một chiều, mà là một chiến lược hệ trọng, một tiến trình vận động liên tục, đòi hỏi sự đồng thuận và vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị cùng toàn thể xã hội. Trong một thế giới phẳng với làn sóng toàn cầu hóa mãnh liệt và sự xóa nhòa các ranh giới địa lý bởi không gian số, văn hóa chính là tấm hộ chiếu duy nhất để định danh định vị dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế. Việc thực thi hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW chính là chìa khóa để giữ vững độc lập tự chủ về mặt tư tưởng, đồng

thời mở ra những không gian phát triển mới cho đất nước dựa trên giá trị của tri thức, sáng tạo và bản sắc cốt lõi. Để hiện thực hóa các mục tiêu mang tính thời đại này, việc chuyển hóa các quan điểm chỉ đạo của Đảng thành các chương trình hành động thực tiễn đòi hỏi một tư duy đổi mới mang tính đột phá. Hệ thống thể chế pháp lý cần tiếp tục được hoàn thiện, dỡ bỏ các rào cản để thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư cho văn hóa, giải phóng sức sáng tạo của nhân dân. Công nghiệp văn hóa phải được xem là một mũi nhọn kinh tế chiến lược, được vận hành trên nền tảng của chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn nhằm tạo ra các sản phẩm văn hóa thuần Việt có đủ sức cạnh tranh sòng phẳng trên thị trường toàn cầu. Song song với đó, việc giáo dục các hệ giá trị chuẩn mực quốc gia, gia đình và con người Việt Nam phải trở thành bộ lọc tự nhiên, nâng cao sức đề kháng của cộng đồng trước các xu hướng lai căng, độc hại, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2026). *Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam*.
- Đỗ Huy (2023). *Văn hóa Việt Nam trên con đường giải phóng, đổi mới, hội nhập và phát triển*. NXB Thông tin và Truyền thông, tr. 51.
- Ngô Đức Thịnh (2014). *Giá trị văn hóa Việt Nam, truyền thống và biến đổi*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, tr. 29.
- Nguyễn Mạnh Cẩm (2014). *Phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế*. <https://nhandan.vn/phat-trien-van-hoa-con-nguoi-viet-nam-trong-thoi-ky-hoi-nhap-quoc-te-post207577.html>, ngày 06/7/2014.
- Nguyễn Phú Trọng (2021). *Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. *Tạp chí Cộng sản*, số 979 tháng 12, tr. 4.
- Tạ Ngọc Tần (2014). *Phát triển văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, một số kinh nghiệm của các nước trên thế giới*. NXB Lý luận chính trị, tr. 24.
- Trần Ngọc Thêm (2014). *Những vấn đề văn hóa học, lý luận và ứng dụng*. NXB Văn hóa - Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 54.

TỘI MUA CHUỘC HOẶC CƯỠNG ÉP NGƯỜI KHÁC...

Tiếp theo trang 289

3. Kết luận

Quy định hiện hành về tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu vẫn còn một số bất cập nhất định, gây lúng túng cho quá trình áp dụng. Do đó, cần phải chỉnh sửa quy định về đối tượng tác động, về hành vi cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu. Đồng thời cần nhanh chóng nghiên cứu chỉnh sửa quy định tại Điều 384 Bộ luật Hình sự, Điều 13, Điều 18 Pháp lệnh 02/2022/UBTVQH15 cho đồng bộ, phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi cũng như chính sách pháp lý của Nhà nước nhằm áp dụng các quy định pháp luật về tội phạm này đạt hiệu quả, bảo đảm tính chính xác, nghiêm minh của pháp luật.

Tài liệu tham khảo

- Đình Văn Quế (2021). *Bình luận Bộ luật Hình sự năm 2015. Phần thứ hai: Các tội phạm, Chương XXIV: Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp (Bình luận chuyên sâu)*. NXB Thông tin và Truyền thông, tr. 372–373.
- Nguyễn Đức Mai (chủ biên, 2018). *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, tr. 1116.
- Quốc hội (2015). *Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 12/2017/QH14, Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 và Luật số 86/2025/QH15*.
- Quốc hội (2015). *Bộ luật Tố tụng Hình sự số 101/2015/QH13 ngày 27/11/2015, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 02/2021/QH15, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15, Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15*.
- Trần Đình Hải, Phan Diệu Linh (2023). *Kiến nghị hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp*. *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, 3, tr. 48.
- Trần Văn Biên, Đinh Thế Hùng (chủ biên, 2017). *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. NXB Thế Giới, tr. 603.
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2022). *Pháp lệnh số 02/2022/UBTVQH15 ngày 18/08/2022 về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng, được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 08/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025*.
- Vân Linh (2024). *Bàn về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp liên quan đến các hành vi khai báo, giám định, định giá, cung cấp tài liệu*. *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*. <https://lsvn.vn/ban-ve-cac-toi-xam-pham-hoat-dong-tu-phap-lien-quan-den-cac-hanh-vi-khai-bao-giam-dinh-dinh-gia-cung-cap-tai-lieu-1726330241-a147243.html>
- Viện Ngôn ngữ học (2003). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng, tr. 233.